

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng gần 11 điểm trong phiên hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,347.25 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dịch vụ tài chính và Bán lẻ dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. VN-Index đang trong giai đoạn giằng co cố vượt qua ngưỡng kháng cự cũ trên 1,340 với tâm lý thị trường mâu thuẫn. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 03/06/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp tăng của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+10.95** điểm, đóng cửa tại **1347.25** điểm. HNX-Index **+2.77** điểm, đóng cửa tại **228.94** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **TCB (+1.25)**, **VCB (+1.17)**, **HPG (+0.67)**, **VHM (+0.57)**, **VPB (+0.56)**.
- Kéo chỉ số giảm: **NVL (-0.15)**, **HAG (-0.15)**, **BSR (-0.14)**, **SSB (-0.13)**, **VRE (-0.10)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **22,941** tỷ đồng, tăng **23.09%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 25,723 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 14.59 điểm. Thị trường có **195** mã tăng, 56 mã tham chiếu, **119** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **853.26** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **APG (413.15 tỷ)**, **VND (208.59 tỷ)**, **SHB (158.75 tỷ)**, **NLG (69.36 tỷ)**, **VNM (60.51 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **71.61** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.35%**. Các mã diễn biến tích cực:
HCM (+4.08%)
DCM (+3.85%) [\(Link báo cáo\)](#)
SSI (+3.38%)
- BSC50 **+0.87%**. Các mã diễn biến tích cực:
MBS (+5.17%)
BMP (+2.95%) [\(Link báo cáo\)](#)
FRT (+2.79%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.35%	0.87%	0.82%	1.04%
1 tuần	-0.51%	-0.30%	0.56%	0.73%
1 tháng	9.10%	9.91%	9.86%	9.78%
3 tháng	-4.74%	-3.58%	3.26%	5.42%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,347.25	228.94	99.32
% 1D	0.82%	1.22%	0.98%
GTKL (tỷ VND)	22,941	2,477	620
%1D	23.09%	51.46%	5.55%
GDNN (tỷ VND)	853.26	71.61	-11.61

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
APG	413.15	FPT	-104.23
VND	208.59	VRE	-83.00
SHB	158.75	STB	-64.88
NLG	69.36	KDH	-60.87
VNM	60.51	CII	-54.82

Thị trường thế giới

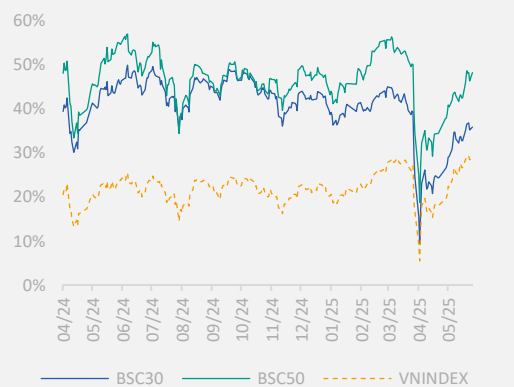
		%D	%W
SPX	5,936	0.41%	2.29%
FTSE100	8,753	-0.24%	-0.28%
Eurostoxx	5,337	-0.36%	-1.63%
Shanghai	3,362	0.43%	0.45%
Nikkei	37,447	-0.06%	-0.72%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.74	0.57%
Giá vàng	3,359	-1.60%
Tỷ giá		
USD/VND	26,230	0.11%
EUR/VND	30,608	0.14%
JPY/VND	186	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.2%	0.01%
LS LNH 1M	4.2%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

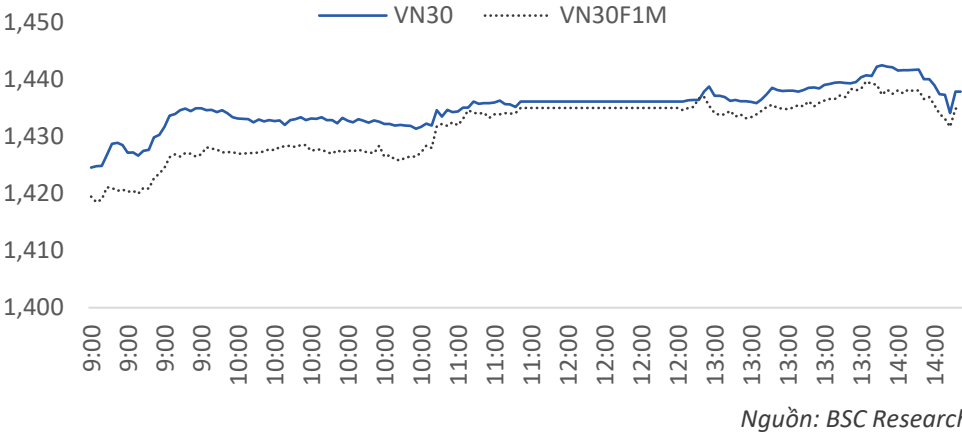
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1433.60	1.47%	87	117.5%	9/18/2025	107
VN30F2512	1428.60	1.38%	110	120.0%	12/18/2025	198
4111F7000	1434.40	1.66%	928	98.3%	7/17/2025	44
VN30F2506	1434.90	1.40%	190,947	27.3%	6/19/2025	16

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +14.83 điểm, đóng cửa tại 1437.87 điểm. Biên độ dao động 19.51 điểm. Các cổ phiếu như HPG, MWG, TCB, FPT, MSN tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa tăng điểm với thanh khoản cải thiện, tuy nhiên đang gặp lực cản tại ngưỡng kháng cự cũ quanh 1,440. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMSN2408	6/30/2025	27	378,100	-85.99%	8.57	30	50.0%	5.48	8.87	63.30	63.30
CVNM2406	7/28/2025	55	340,600	-86.63%	6.85	150	36.4%	12.71	7.42	55.50	55.50
CHPG2412	6/30/2025	27	60,600	-87.33%	3.13	40	33.3%	5.72	3.29	26.00	26.00
CMWG2501	6/26/2025	23	142,200	-85.82%	6.20	530	32.5%	11.24	8.85	62.40	62.40
CVNM2506	7/21/2025	48	984,000	-86.10%	6.56	150	25.0%	6.34	7.71	55.50	55.50
CHPG2511	7/21/2025	48	62,400	-85.50%	2.89	220	22.2%	5.78	3.77	26.00	26.00
CVPB2508	9/19/2025	108	67,300	-82.84%	2.17	500	22.0%	8.30	3.14	18.30	18.30
CHPG2512	9/19/2025	108	7,500	-83.12%	2.99	350	20.7%	5.76	4.39	26.00	26.00
CHPG2408	7/28/2025	55	699,900	-84.08%	2.70	360	20.0%	5.83	4.14	26.00	26.00
CVNM2507	9/19/2025	108	24,300	-83.61%	6.78	300	20.0%	6.32	9.10	55.50	55.50
CHPG2501	6/26/2025	23	91,500	-84.54%	2.55	490	19.5%	7.82	4.02	26.00	26.00
CHPG2514	11/19/2025	169	129,500	-81.21%	3.17	430	19.4%	5.73	4.89	26.00	26.00
CMSN2507	10/20/2025	139	200,800	-81.04%	7.80	420	16.7%	5.56	12.00	63.30	63.30
CVNM2508	11/19/2025	169	180,900	-81.54%	7.00	420	16.7%	6.30	10.25	55.50	55.50
CTCB2501	7/28/2025	55	18,600	-67.47%	2.40	3,940	15.9%	14.61	10.28	31.60	31.60
CMWG2406	7/28/2025	55	451,800	-85.19%	6.60	660	15.8%	13.96	9.24	62.40	62.40
CVPB2509	11/19/2025	169	600	-80.49%	2.27	670	15.5%	8.26	3.57	18.30	18.30
CHPG2502	9/26/2025	115	579,400	-82.96%	2.75	560	14.3%	7.76	4.43	26.00	26.00
CTCB2406	6/30/2025	27	5,900	-76.75%	2.80	910	13.8%	5.76	7.35	31.60	31.60
CHPG2515	12/19/2025	199	219,700	-81.15%	3.22	420	13.5%	5.72	4.90	26.00	26.00

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 03/06/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp tăng của cổ phiếu cơ sở.
- CMSN2408 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 50.00%. CMBB2405 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 20.58%.
- CMBB2407, CVIC2405, CVIC2502, CVIC2503, CVHM2408 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CVIC2503, CFPT2402, CVRE2504, CVIC2405 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	26.00	1.76%	2.30
MWG	62.40	2.30%	2.28
TCB	31.60	2.43%	2.17
FPT	117.40	1.12%	1.47
MSN	63.30	1.93%	1.40

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VRE	26.50	-0.75%	-0.26
STB	41.60	-0.48%	-0.23
SSB	18.30	-1.08%	-0.22

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCB	31.60	2.43%	1.25	7.06
VCB	56.80	1.07%	1.17	8.36
HPG	26.00	1.76%	0.67	6.40
VHM	77.60	0.78%	0.57	4.11
VPB	18.30	1.67%	0.56	7.93

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	28.50	5.17%	0.53	0.57
SHS	13.80	2.99%	0.23	0.89
PVI	56.00	2.75%	0.23	0.23
KSV	165.00	0.98%	0.20	0.20
BAB	11.80	2.61%	0.19	0.96

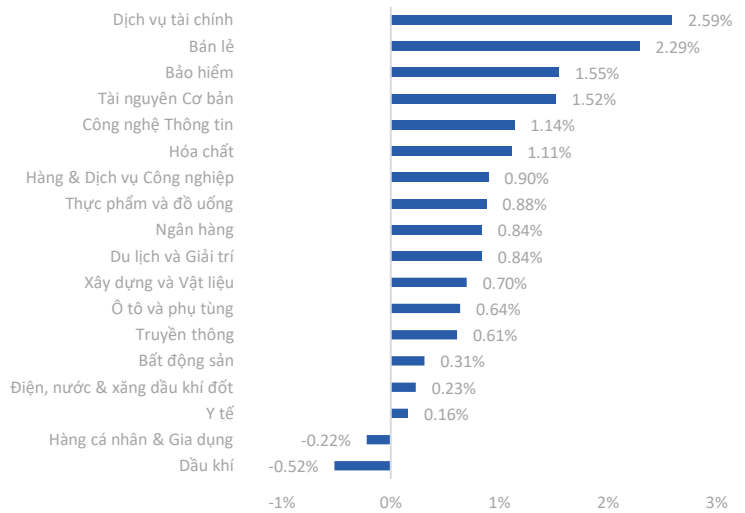
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMG	9.73	6.92%	0.01	0.00
APG	12.60	6.78%	0.04	38.94
HSL	4.26	6.77%	0.00	4.42
VND	17.45	6.73%	0.41	77.55
ADG	9.18	5.64%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VMS	19.90	9.94%	0.07	0.00
MIC	27.90	9.84%	0.06	0.15
ADC	23.60	9.77%	0.03	0.00
PTX	24.00	9.59%	0.06	0.04
DC2	7.20	9.09%	0.03	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVL	14.20	-2.41%	-0.15	1.95
HAG	13.05	-4.74%	-0.15	1.06
BSR	17.70	-1.12%	-0.14	3.10
SSB	18.30	-1.08%	-0.13	2.85
VRE	26.50	-0.75%	-0.10	2.27

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DNC	70.00	-7.16%	-0.03	0.01
NBW	33.90	-8.63%	-0.02	0.01
GLT	30.50	-7.01%	-0.01	0.01
CDN	32.00	-0.62%	-0.01	0.10
TIG	7.40	-1.33%	-0.01	0.19

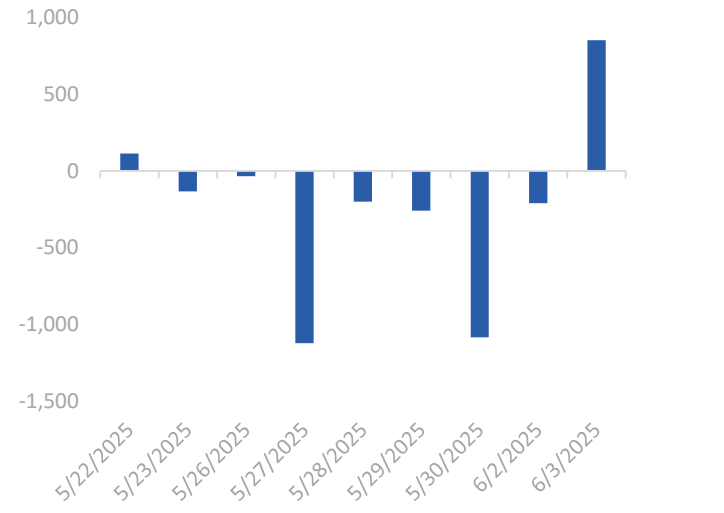
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TPC	10.05	-6.94%	0.00	0.01
VPG	11.15	-6.69%	-0.02	2.41
SVI	57.50	-6.35%	-0.01	0.00
CVT	26.25	-5.75%	-0.01	0.00
VTB	9.68	-5.10%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SMT	9.90	-9.17%	-0.02	0.00
NBW	33.90	-8.63%	-0.12	0.00
NHC	18.00	-8.16%	-0.02	0.00
CAN	36.50	-7.59%	-0.05	0.00
DNC	70.00	-7.16%	-0.15	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	62.4	2.3%	1.5	92,285	473.7	2,980	20.9		48.0%	
KBC	Bất động sản	26.5	0.6%	1.4	20,303	134.7	1,629	16.2		17.6%	
KDH	Bất động sản	30.5	-0.3%	1.4	30,840	102.4	896	34.0		36.1%	
PDR	Bất động sản	18.4	0.6%	1.8	16,648	235.9	180	101.9	23,600	10.7%	Link
VHM	Bất động sản	77.6	0.8%	0.9	318,735	368.1	7,766	10.0	58,200	11.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	117.4	1.1%	0.9	173,908	634.0	5,615	20.9	136,500	41.1%	Link
BSR	Dầu khí	17.7	-1.1%	0.0	54,879	41.8	(37)	-481.5		0.3%	
PVS	Dầu khí	30.5	1.0%	1.4	14,578	232.2	2,303	13.3	40,300	15.3%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.8	4.1%	1.4	19,295	649.7	1,394	19.2		38.8%	
SSI	Dịch vụ tài chính	24.5	3.4%	1.2	48,066	1430.2	1,546	15.9		34.2%	
VCI	Dịch vụ tài chính	37.2	2.5%	1.3	26,713	676.3	1,602	23.2		29.8%	
DCM	Hóa chất	35.1	3.9%	1.5	18,555	287.4	2,805	12.5	37,800	4.9%	Link
DGC	Hóa chất	90.5	1.6%	1.4	34,370	128.6	8,224	11.0	108,500	14.9%	Link
ACB	Ngân hàng	21.3	0.7%	0.8	109,154	173.1	3,224	6.6	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	35.9	0.6%	0.8	252,067	98.0	3,643	9.9	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	38.6	0.4%	1.1	207,013	168.0	4,806	8.0	50,000	27.1%	Link
HDB	Ngân hàng	21.9	1.2%	1.1	76,367	467.4	3,985	5.5		16.8%	
MBB	Ngân hàng	24.7	0.4%	1.0	150,726	477.0	4,049	6.1	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.8	2.2%	1.0	30,680	116.7	2,150	5.5	14,000	27.7%	Link
STB	Ngân hàng	41.6	-0.5%	1.0	78,425	398.3	5,767	7.2		21.1%	
TCB	Ngân hàng	31.6	2.4%	1.1	223,249	758.5	3,013	10.5	32,700	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.3	1.2%	1.0	35,006	100.2	2,383	5.6	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	56.8	1.1%	0.8	474,602	192.9	4,063	14.0	69,200	22.1%	Link
VIB	Ngân hàng	18.1	0.3%	0.9	53,922	90.0	2,400	7.5	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.3	1.7%	1.0	145,191	430.5	2,030	9.0	24,000	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.0	1.8%	1.3	166,303	818.8	1,954	13.3	35,800	21.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.4	2.2%	1.7	10,153	113.7	749	21.8	16,800	8.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.8	1.1%	1.6	9,287	133.9	3,930	7.1	32,200	2.7%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	63.3	1.9%	1.4	91,048	270.2	1,518	41.7	82,500	24.7%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	55.5	1.7%	0.7	115,993	239.4	4,194	13.2		48.4%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	34.2	2.71%	1.6	7,485	104.0	2,098	16.3	18.8%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	169.5	2.79%	0.7	23,093	94.4	3,279	51.7	32.6%	24.0%	
BVH	Bảo hiểm	51.4	1.78%	1.0	38,155	26.5	2,975	17.3	27.1%	9.7%	
DIG	Bất động sản	17.5	1.74%	1.7	11,313	434.2	303	57.7	3.7%	2.5%	
DXG	Bất động sản	18.5	1.37%	1.7	16,067	436.2	372	49.6	23.9%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	25.5	-1.16%	1.5	4,548	126.5	436	58.5	3.0%	3.4%	
HDG	Bất động sản	26.8	0.56%	1.4	9,014	107.3	839	32.0	19.7%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	42.6	0.24%	1.5	14,058	68.8	4,982	8.6	17.1%	31.2%	
NLG	Bất động sản	38.3	0.66%	1.6	14,729	150.1	1,827	20.9	44.0%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	69.3	0.29%	0.0	14,590	26.9	6,076	11.4	4.8%	29.7%	
SZC	Bất động sản	35.5	1.72%	1.4	6,389	96.4	2,036	17.4	2.5%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	20.4	0.00%	1.6	13,632	144.4	1,279	15.9	9.6%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	98.1	0.10%	1.1	375,101	434.6	2,823	34.8	7.8%	8.0%	
VRE	Bất động sản	26.5	-0.75%	1.0	60,216	233.7	1,844	14.4	18.3%	10.1%	
CMG	Công nghệ Thông tin	35.4	2.02%	1.3	7,469	41.5	1,654	21.4	36.1%	12.5%	
PLX	Dầu khí	35.7	0.14%	1.1	45,297	43.0	1,535	23.2	17.3%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	19.1	-0.26%	1.3	10,617	184.3	1,246	15.3	6.9%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	38.2	1.60%	1.6	12,855	263.0	1,650	23.2	28.1%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	28.5	5.17%	1.6	16,324	415.6	1,650	17.3	6.7%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.8	0.46%	0.9	154,148	48.8	4,543	14.5	1.8%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.5	0.00%	1.3	31,498	110.0	546	24.6	3.5%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	72.9	-0.14%	0.9	34,337	55.7	4,511	16.2	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	89.8	0.34%	0.7	48,637	71.8	2,783	32.3	12.2%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	35.9	2.57%	1.8	32,396	1032.7	1,954	18.4	8.5%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.8	0.51%	1.2	24,707	109.2	3,797	15.5	40.1%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	78.0	2.63%	1.2	10,132	167.3	5,594	13.9	10.9%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.0	2.68%	1.2	8,188	122.1	3,026	7.6	10.3%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	107.9	-0.28%	0.0	13,140	30.5	3,235	33.4	5.9%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	77.8	-0.51%	1.1	26,289	128.1	6,105	12.7	48.9%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	33.4	0.76%	0.9	3,397	66.9	2,869	11.6	50.0%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.1	1.06%	1.6	2,342	18.8	2,580	7.4	16.2%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	34.2	2.09%	1.3	13,364	146.9	1,223	27.9	8.0%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	29.5	0.68%	1.6	118,000	99.3	1,174	25.1	0.9%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	23.2	-0.64%	1.0	43,122	344.3	1,856	12.5	4.5%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	32.0	0.00%	0.3	95,593	59.4	3,333	9.6	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	16.7	-0.60%	0.0	22,853	28.4	2,809	5.9	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	11.0	0.00%	1.0	27,000	30.9	1,189	9.2	19.2%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.4	1.52%	1.7	5,975	165.5	1,122	11.9	5.5%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.2	-0.31%	1.6	4,313	23.4	612	26.5	0.9%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	36.0	1.12%	0.6	10,945	223.7	1,418	25.4	2.6%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.5	0.71%	0.8	63,487	36.6	3,217	15.4	59.2%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	56.2	0.90%	1.2	12,614	32.7	5,567	10.1	22.6%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	139.6	2.95%	0.7	11,428	20.6	13,288	10.5	85.7%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	81.3	1.75%	1.4	8,124	67.6	3,238	25.1	48.4%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	92.1	1.99%	1.3	10,535	38.8	4,754	19.4	8.9%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	67.5	-1.75%	1.7	4,252	89.6	3,738	18.1	8.9%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.5	0.40%	1.4	5,898	101.1	1,094	11.4	7.7%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.1	-0.22%	1.3	8,244	58.2	1,237	18.6	16.9%	8.1%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.5	-0.22%	1.2	13,468	241.2	988	22.8	6.8%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	45.0	2.27%	1.5	20,176	30.4	2,720	16.6	5.7%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
5	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
6	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
7	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
19	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
23	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
24	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>